

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày 19-9-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tiền thù lao

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tấn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Trần Văn Nước

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tiền thù lao*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐHPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trì Thị H sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh,

**2. Bị đơn:**

- Bà Huỳnh Thị B sinh năm 1937 (Vắng)

- Ông Dương Văn Q sinh năm 1960 (Vắng)

- Bà Bùi Thị Kim CH sinh năm 1966 (Vắng)

- Ông Dương Văn L sinh năm 1981 (Vắng)

Cùng địa chỉ: Khóm B, Phường C, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- Ông Dương Văn C sinh năm 1967 (Vắng)

- Bà Dương Thị TR sinh năm 1978 (Vắng)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã L, thị xã D Hải, tỉnh Trà Vinh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 (Vắng)

Địa chỉ: Khóm E, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 12 năm 2021 của nguyên đơn bà Trì Thị H và lời trình bày của bà Trì Thị H trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện như sau:*

Sau khi Trại giam Bến giá khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị B và các con là: bà ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR trả đất tại thửa 2256, toạ lạc tại Khóm 2, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà B và các con đã chủ động tìm đến nhà bà H để nhờ bà H hỗ trợ việc Trại giam kiện gia đình bà B và hướng dẫn thủ tục cho bà B khởi kiện ông Huỳnh Bá Quát cũng tại đất thuộc thửa 2256 nói trên. Bà H đồng ý giúp gia đình bà B nhưng điều kiện là bà B và các con của bà phải trả tiền thù lao cho bà H.

Lúc đầu do tin tưởng nhau nên hai bên không làm hợp đồng mà chỉ hứa miệng với nhau nhưng trong quá trình thực hiện thoả thuận bà H cho rằng thiếu tin tưởng gia đình bà B nên đã đề nghị lập hợp đồng vào ngày 04/5/2020. Tại nội dung trong Hợp đồng ngày 04/5/2020, bà H và những người trong gia đình bà B thống nhất nếu bà B và các con bà B được Tòa án giải quyết cho bà B được đất diện tích 5.670m<sup>2</sup> tại thửa 2256 thì bà B và các con phải trả cho bà H 30% của diện tích đất hoặc 30% giá trị của diện tích đất này. Bà H chịu toàn bộ CH phí thuê Luật sư, CH phí đi lại. Bà B phải chịu các khoản CH phí như: tạm ứng án phí, phí đo đạc đất, các khoản đóng khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Nếu Tòa án giải quyết Trại giam Bến Giá và ông Huỳnh Bá Quát không trả đất cho bà B thì bà B và các con không phải trả khoản tiền nào cho bà H, kể cả CH phí thuê Luật sư.

Sau khi Tòa án nhận dân thị xã Duyên Hải xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Trại giam Bến giá, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B thì bà B được CH trả tiền bồi thường phần đất Nhà nước thu hồi mở rộng Quốc lộ 53 là 1.480.161.956 đồng và bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> tại thửa 3, tờ bản đồ 24; đất tại khóm 2, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Trong số tiền 1.480.161.956 đồng thì bà H giao cho bà Bùi Kim CH là con bà Huỳnh Thị B 200.000.000 đồng, bà H tạm giữ 1.280.161.956 đồng theo thoả thuận với bà B và các con bà B.

Vào ngày 02/4/2021, bà H và bà B, các con bà B có ngồi lại tính toán tiền thù lao cho bà H thì bà B và các con của bà B thống nhất ngoài số tiền bà H tạm giữ 1.280.161.956 đồng thì bà H còn được trả thêm số tiền là 989.955.043 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay bà B vẫn không thực hiện thỏa thuận trả tiền thù lao cho bà H và do đất diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> tại thửa 3, tờ bản đồ 24 bà B đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn D nên tại phiên tòa nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Đối với số tiền 1.480.161.956 đồng bà B được CH trả bồi thường thì bà H yêu cầu được hưởng 30% của số tiền này, tính ra là tính ra là 444.048.586 đồng.

- Đối với đất diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> nên bà H yêu cầu bà B và các con của bà B phải trả cho bà H 30% giá trị của diện tích đất 4.606,6m<sup>2</sup> theo giá do Hội đồng định giá tài sản đã định là 1.185.000đ/m<sup>2</sup>, tính ra là: 30% x 4.606,6m<sup>2</sup> x 1.185.000đ/m<sup>2</sup> = 1.637.646.300 đồng.

Do bà H đang giữ số tiền tiền 1.280.161.956 đồng nên bà H yêu cầu bà B và các con phải trả cho bà B còn phải tiếp tục trả thêm cho bà H số tiền là: (444.048.586 đồng + 1.637.646.300 đồng) - 1.280.161.956 đồng = 801.532.930 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021, bà H yêu cầu bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR trả số tiền 1.259.956.126 đồng ngoài số tiền 1.280.161.956 đồng mà bà H đang giữ. Vì vậy, bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR là 458.423.196 đồng.

***Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 05 tháng 11 năm 2021 của bị đơn bà Huỳnh Thị B, lời trình bày tại Bản tường trình ngày 05 tháng 11 năm 2021 của bà Huỳnh Thị B và bà Bùi Kim CH thể hiện như sau:***

Theo nội dung trong hợp đồng ngày 04/5/2020 thì bà H có nghĩa vụ thuê Luật sư, thay mặt gia đình bà B làm việc với các cơ Q nhà nước để giải quyết tranh chấp đất liên Q đến gia đình bà B. Tuy nhiên bà B cho rằng thực tế gia đình bà đã thuê Luật sư từ năm 2018 và tự bỏ tiền ra trả. Từ khi ký hợp đồng với bà H thì bà H không có thuê Luật sư nào cho gia đình bà B. Trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp thì bà H không làm công việc gì chỉ có Luật sư Nguyễn Tiến Lên và người đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Nhựt Hùng là thực hiện các công việc bảo vệ quyền lợi cho bà tại Tòa án. Mặc khác, bà B cho rằng bà H không hiểu biết pháp luật, không có tư cách Luật sư nên bà H không đủ điều kiện ký hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Bà B cho rằng hiện tại gia đình bà vẫn còn vụ kiện tranh chấp đất với ông Huỳnh Bá Quát chưa giải quyết xong nhưng bà H đã nhận hết tiền bồi thường

nay còn khởi kiện đòi thêm 01 tỷ đồng thì bà B không chấp nhận và không có khả năng trả. Vì vậy, bà Huỳnh Thị B yêu cầu phản tố đối với bà Trì Thị H như sau:

- Yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng pháp lý đề ngày 04/5/2020 vô hiệu;
- Yêu cầu bà Trì Thị H hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng của bà B là 300.000.000 đồng và hoàn trả lại số tiền bà B được bồi thường đất là 1.480.000.000 đồng.
- Bà B tự nguyện hoàn lại cho bà H tất cả các CH phí mà bà H bỏ ra trong suốt thời gian giải quyết vụ kiện tranh chấp của gia đình bà B và tặng cho bà H số tiền 500.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- + Buộc bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR trả tiền cho bà Trì Thị H tiền CH phí thù lao theo thỏa thuận là 2.081.694.886 đồng nhưng do bà Trì Thị H đang giữ số tiền 1.280.161.956 đồng nên buộc bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR phải trả thêm cho bà Trì Thị H số tiền là 801.532.930 đồng.
- + Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện bà Trì Thị H đã rút là 458.423.196 đồng.
- + Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị B
- Về án phí: Bị đơn bà Huỳnh Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn xin miễn án phí

nên đề nghị cho bà B miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Đối với ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR đề nghị buộc chịu án phí theo quy định.

- Về CH phí tố tụng: Đề nghị buộc các bị đơn chịu CH phí theo quy định.
- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách Q hoặc sự kiện bất khả kháng; bị đơn bà Huỳnh Thị B có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với đương sự vắng mặt.

[2] Về chứng cứ trong vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn thông nhất không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án xác minh, lấy lời khai ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trì Thị H:

Ngày 04/5/2020, giữa bà Trì Thị H với bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR có ký hợp đồng pháp lý là có thật, thể hiện qua Hợp đồng dịch vụ pháp lý đề ngày 04/5/2020 do nguyên đơn bà Trì Thị H cung cấp, giao nộp cho Tòa án và lời trình bày của bà Huỳnh Thị B, bà Bùi Thị Kim CH tại đơn phản tố và bản tường trình vào ngày 05/11/2021. Việc ký hợp đồng này dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và không bị pháp luật cấm. Vì vậy, các đương sự đã tham gia ký hợp đồng ngày 04/5/2020 phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong hợp đồng. Theo nội dung trong Hợp đồng pháp lý ngày 04/5/2020, bà Trì Thị H có nghĩa vụ thay mặt bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR thuê Luật sư trong vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 2256, tờ bản đồ số 1, đất tại Khóm 2, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh giữa bà Huỳnh Thị B (là nguyên đơn) với ông Huỳnh Bá Quát và giữa Trại giam Bến giá với bà Huỳnh Thị B (là bị đơn). CH phí thuê Luật sư do bà H tự chịu. Đồng thời bà H có nghĩa vụ thay mặt bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR liên hệ và làm việc với các cơ Q, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình giải quyết các tranh chấp này. Còn bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR nếu sau khi kết thúc

vụ án mà có nhận được tài sản hoặc giá trị tái sản trong tổng diện tích 5.670m<sup>2</sup> thuộc thửa 2256 thì các ông, bà phải trả thù lao cho bà H là 30% tài sản hoặc giá trị tài sản này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 12/01/2021 của Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải đã xử: công nhận cho bà Huỳnh Thị B quyền sử dụng đất diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 2256, tờ bản đồ số 1, đất tại Khóm 2, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; công nhận cho bà Huỳnh Thị B quyền sử dụng đất diện tích 975,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 2256, tờ bản đồ số 1, đất tại Khóm 2, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Phần đất này nhà nước đã thu hồi và bồi thường cho ông Nguyễn Văn Cảnh.

Sau khi bản án của Toà án có hiệu lực thi hành, bà Huỳnh Thị B đã được công nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.574,6m<sup>2</sup> tại thửa 3, tờ bản đồ số 24 và diện tích 32,0m<sup>2</sup> tại thửa 172, tờ bản đồ số 24, cùng loại đất trồng cây lâu năm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 11/6/2021. Ngoài ra, bà Huỳnh Thị B còn được nhà nước CH trả số tiền bồi hoàn do thu hồi diện tích 975,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 2256 với tổng số tiền được nguyên đơn và các bị đơn thừa nhận và thống nhất là 1.480.161.956 đồng. Đối với số tiền 1.480.161.956 đồng đã làm rõ tại phiên toà là bà H tạm giữ 1.280.161.956 đồng và bà H đã giao cho bà Bùi Thị Kim CH là 200.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào Hợp đồng pháp lý ngày 04/5/2020 thì bà Trì Thị H được trả tiền thù lao là 30% của số tiền 1.480.161.956 đồng, tính ra là 444.048.586 đồng và 30% tổng diện tích đất 4.606,6m<sup>2</sup> đất tại Khóm 2, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh hoặc 30% giá trị tổng diện tích đất 4.606,6m<sup>2</sup> mà bà Huỳnh Thị B đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 11/6/2021.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Trì Thị H thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu các bị đơn gồm bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR trả cho bà H 30% giá trị quyền sử dụng đất diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> mà bà Huỳnh Thị B đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với giá trị quyền sử dụng đất tổng diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> gồm diện tích 32m<sup>2</sup> thuộc thửa 172, tờ bản đồ số 4 và diện tích 4.574,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 4, nguyên đơn bà Trì Thị H đã thống nhất tại phiên toà giá là 1.185.000đ/m<sup>2</sup> và không yêu cầu Toà án định giá lại. Vì vậy, diện tích 4.606,6m<sup>2</sup> được tính ra giá trị là 5.458.821.000 đồng. Như vậy, số tiền bà Trì Thị H được hưởng 30% trong số tiền 5.458.821.000 đồng tính ra là 1.637.646.300 đồng. Do bà Trì Thị H đang giữ số tiền 1.280.161.956 đồng nên theo thoả thuận bà bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và

bà Dương Thị TR còn phải tiếp tục trả thêm cho bà Trì Thị H số tiền là (444.048.586 đồng + 1.637.646.300 đồng) - 1.280.161.956 đồng = 801.532.930 đồng.

Đối với việc bà Trì Thị H thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi các bị đơn trả với số tiền 458.423.196 đồng. Xét việc bà Trì Thị H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Toà án chấp nhận, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Thứ nhất, Hợp đồng pháp lý đề ngày 04/5/2020 được ký giữa bà Trì Thị H với bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR trên cơ sở tự nguyện thoả thuận. Tại thời điểm ký hợp đồng, các đương sự không bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, nội dung trong hợp đồng thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng của các đương sự khi ký hợp đồng nên việc ký hợp đồng ngày 04/5/2020 phù hợp với quy định tại Điều 117, 118 và 385 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại từ Điều 123 đến Điều 128 của của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không có căn cứ để tuyên Hợp đồng pháp lý ký ngày 04/5/2020 là vô hiệu.

Thứ hai, bà Huỳnh Thị B cho rằng đã tạm ứng cho bà Trì Thị H số tiền 300.000.000 đồng nhưng không được bà Trì Thị H thừa nhận. Bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được bà B đã đưa cho bà H số tiền là 300.000.000 đồng như bà đã trình bày. Toà án cũng không có đủ căn cứ để xác định rõ ràng bà B có đưa cho bà H tạm ứng số tiền 300.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để buộc bà H phải hoàn trả cho bà B số tiền 1.780.000.000 đồng (300.000.000 đồng + 1.480.000.000 đồng) theo yêu cầu của bà B.

Thứ ba, bà B cho rằng toàn bộ CH phí thuê Luật sư Nguyễn Tiến Lên là do bà B CH trả. Vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Hợp đồng pháp lý ngày 20/8/2017 được ký giữa bà Huỳnh Thị B (mà không phải là bà Trì Thị H) và Luật sư Nguyễn Tiến Lên là vì bà Huỳnh Thị B là đương sự cần được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án mà bà B là bị đơn. Bà H không thể đại diện cho bà B để ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Luật sư Nguyễn Tiến Lên. Điều này cũng phù hợp với lời xác nhận của Luật sư Nguyễn Tiến Lên tại Giấy xác nhận ngày 13/9/2022. Tại các phiếu thu ngày 21/8/2017 và ngày 30/3/2021 thể hiện bà Huỳnh Thị B là người nộp tiền với tổng số tiền là 50.000.000 đồng

nhưng lời xác nhận của Luật sư Nguyễn Tiến Lên tại Giấy xác nhận ngày 13/9/2022 thể hiện bà Trì Thị H là người trực tiếp trả tiền cho Luật sư Nguyễn Tiến Lên là 50.000.000 đồng. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Trì Thị H tại phiên toà.

Thứ tư, bà Trì Thị H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố và ý kiến của bà Huỳnh Thị B. Vì vậy, ý kiến của bà B đề nghị hoàn trả cho bà H tất cả các CH phí mà bà H bỏ ra trong suốt thời gian giải quyết vụ kiện tranh chấp của gia đình bà B và tặng cho bà H số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị B là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trì Thị H được Toà án chấp nhận. Các bị đơn gồm bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR còn phải tiếp tục trả cho bà H số tiền thù lao là 801.532.930 đồng. Vì vậy, các bị đơn phải chịu án phí theo quy định là 36.000.000 đồng +  $(3\% \times 1.532.930 \text{ đồng}) = 36.045.988 \text{ đồng}$ . Do bà Huỳnh Thị B là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bà B có đơn xin miễn án phí và được Toà án chấp nhận nên bà B được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là:  $36.045.988 \text{ đồng} \times 1/6 = 6.007.665 \text{ đồng}$ . Các bị đơn gồm ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR phải chịu án phí còn lại là 30.038.323 đồng, trong đó, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR mỗi người phải chịu án phí là 6.007.665 đồng.

Do yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị B không được Toà án chấp nhận nhưng bà Huỳnh Thị B có đơn xin miễn án phí và được Toà án chấp nhận nên bà B được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là:  $36.000.000 \text{ đồng} + [3\% \times (300.000.000 \text{ đồng} + 1.480.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] = 65.400.000 \text{ đồng}$ .

Bà Trì Thị H được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008055 ngày 30/10/2021 của CH cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

[6] Về CH phí tố tụng: Các bị đơn gồm bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR phải chịu toàn bộ CH phí gồm: CH phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng, CH phí định giá tài sản là 400.000 đồng, CH phí cung cấp thông tin địa chính là 316.000 đồng. Trong đó, bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà



Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR mỗi người phải chịu CH phí tố tụng là 186.000 đồng.

Bà Trì Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000 đồng. Trong đó, Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải hoàn trả cho bà H số tiền 3.884.000 đồng. Bà H được nhận số tiền 1.116.000 đồng sau khi bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR thực hiện nghĩa vụ nộp tiền CH phí tố tụng với số tiền 1.116.000 đồng trong giai đoạn thi hành án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 164 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 118, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 385 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trì Thị H.

Buộc bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR còn phải tiếp tục trả cho bà Trì Thị H số tiền thù lao là 801.532.930 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ Q thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Trì Thị H đã rút lại đối với bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR với số tiền là 458.423.196 đồng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị B đối với bà Trì Thị H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Huỳnh Thị B tổng cộng là: 71.407.665 đồng.

Các bị đơn gồm ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR phải chịu án phí là 30.038.323 đồng. Trong đó, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR mỗi người phải chịu án phí là 6.007.665 đồng.

Bà Trì Thị H được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008055 ngày 30/10/2021 của CH cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

5. Về CH phí tố tụng: Các bị đơn gồm bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR phải chịu toàn bộ CH phí gồm: CH phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng, CH phí định giá tài sản là 400.000 đồng, CH phí cung cấp thông tin địa chính là 316.000 đồng. Trong đó, bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR mỗi người phải chịu CH phí tố tụng là 186.000 đồng.

Bà Trì Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nộp là 5.000.000 đồng. Trong đó, Toà án nhân dân thị xã Duyên Hải hoàn trả cho bà H số tiền 3.884.000 đồng. Bà H được nhận số tiền 1.116.000 đồng sau khi bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR thực hiện nghĩa vụ nộp tiền CH phí tố tụng với số tiền 1.116.000 đồng trong giai đoạn thi hành án.

6. Nguyên đơn bà Trì Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn bà Huỳnh Thị B, ông Dương Văn Q, bà Bùi Thị Kim CH, ông Dương Văn L, ông Dương Văn C và bà Dương Thị TR và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q: ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- CH cục THADS TX. Duyên Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**Dương Tấn Thanh**